

Bản án số: 43/2017/HSPT
Ngày 12/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hùng**
- *Các Thẩm phán:* Ông **Hà Văn Chương**
Bà **Hoàng Thị Minh Khánh**
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng Hà** - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Kim Trúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSPT ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Đức T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Đức T, sinh ngày 23/6/1982;

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Ma Thị Đ, sinh năm 1956; Vợ: Hà Thị T, sinh năm 1983; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 04 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. *(Có mặt)*.

2. Lê Thị T1, sinh ngày 05/8/1987;

Trú tại: Thôn G, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Quang V (đã chết) và bà Cao Thị D (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn X (đã chết); Con: có 01 con, sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. *(Có mặt)*.

3. Lê Đức D, sinh ngày 02/11/1981;

Trú tại: thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Đức H, sinh năm 1961 và bà Hà Thị H, sinh năm 1963; Vợ: Lâm Thị Q, sinh năm 1980; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007.

Nhân thân: Ngày 04/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc. Chấp hành xong hình phạt chính ngày 04/8/2015, chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí ngày 13/4/2016.

Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 07 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. (Có mặt).

4. Lê Đức H, sinh năm 1969;

Trú tại: thôn C, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/10; Dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Đức T (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1932; Vợ: Nguyễn Thị V, sinh năm 1967; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 22/11/2013 bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000 đồng. Nộp phạt ngày 22/11/2013;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 08 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. Bị cáo tại ngoại. (Có mặt).

5. Hoàng Văn H1, sinh ngày 18/10/1989;

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Hoàng Văn P, sinh năm 1966 và bà Hà Thị C, sinh năm 1965; Vợ: Lò Thị H, sinh năm 1995; Con: có 01 con, sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/4/2015 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000 đồng; nộp phạt ngày 06/5/2015;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. (Có mặt).

6. Hà Văn X, sinh ngày 15/02/1990;

Trú tại: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Tày; Con ông: Hà Văn H (đã chết) và bà Hà Thị O, sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 20/6/2016 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi rủ rờ người khác đánh bạc và đánh bạc, mức phạt 9.000.000 đồng; nộp phạt ngày 22/11/2016;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. (Cố mặt).

7. Ngô Văn T2, sinh ngày 11/12/1981;

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Ngô Văn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959; Vợ: Lê Thị Đan P, sinh năm 1978; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2003.

Tiền án: Ngày 30/12/2014 bị Tòa án nhân dân huyện H tuyên phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng, phạt tiền 1.000.000 đồng về tội Đánh bạc; nộp phạt và nộp án phí xong tháng 02/2015;

Tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. (Cố mặt).

8. Nguyễn Như M, sinh ngày 15/6/1992;

Nơi ĐKNKTT: thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Như S, sinh năm 1966 và bà Lê Thị L, sinh năm 1967; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C tuyên phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản; nộp án phí xong ngày 07/3/2012;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 15 ngày 20/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C. (Cố mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 05 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; 01 bị cáo rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/11/2016, Nguyễn Đức T đang ngồi uống nước cùng Lê Đức H và Lê Đức D, Hoàng Văn H1, Lê Đức L, Hà Văn X ở quán Internet của anh Lê Đức H2 trú tại thôn G, xã H, huyện C, thì nhận được điện thoại của Bùi Văn T4 hỏi: "*đang ở đâu?*", T trả lời: "*đang ở quán Internet anh H2*". Khoảng 10 phút sau thấy Bùi Văn T4 cùng La Tài M1, Lương Văn S, Ngô Văn Đ, Vũ Hoàng H3, Lê Quang Đ1, Nguyễn Văn P, Lê Hải H4, Phạm Văn N; Nguyễn Như M và Ngô Văn T2 trên đường đi Tuyên Quang đã rẽ vào quán Internet của anh H2 cùng uống nước. Tại đây, T thấy đông người nên nảy sinh ý định đánh bạc, sau đó T điều khiển xe mô tô đi tìm chỗ đánh bạc, khi đến quán của anh Đinh Kim C thì gặp Lê Thị T1, do biết nhà T1 neo người và ở khu bìa rừng, vắng vẻ, T hỏi T1: "*cho anh chơi ở nhà mày một tí*", T1 hiểu ý T hỏi mượn nhà để đánh xâm nên đồng ý, T1 hỏi T: "*chơi có lâu không?*", T trả lời: "*chơi khoảng một tiếng thôi*", T1 nói: "*ờ, chơi nhanh để em còn ngủ*", sau đó T1 về nhà quét dọn nhà cửa, đun nước, lúc này con trai T1 (Nguyễn Đức H5) đòi đi ăn chân gà nướng, T1 gọi cháu Nguyễn Đức D1, sinh ngày 27/4/2002 sang trông nhà chờ nước sôi chặt vào phích, đến nhà T1 thì D1 lấy 03 chiếu trải gần bếp để ngồi.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T cùng các đối tượng đến nhà bếp của T1 để đánh bạc, La Tài M1 lấy túi xách màu đen (mang theo từ trước) đựng công cụ đánh bạc gồm: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, lấy thanh tre và dao cắt 04 quân bạc có kích thước (1 x 1)cm, một mặt bôi đen bằng bút viết bảng phóc, một mặt để trắng tự nhiên, sau đó các đối tượng ngồi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tính chẵn lẻ sát phạt nhau bằng tiền, Hoàng Văn H1 xóc cái cho mọi người đánh bạc; La Tài M1, Bùi Văn T4, Ngô Văn T2, Ngô Văn Đ, Hà Văn X thống nhất mỗi người góp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*), tổng là 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) để cân cái và giao cho Hà Văn X để trong rổ nhựa trang trải tiền trong mỗi canh bạc; Bùi Văn T4 sử dụng 04 lá bài Tú lơ khơ làm bảng vị. Quá trình các bị cáo đang đánh bạc có ông Ma Trọng H5 đến xem.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Lê Thị T1 cùng con trai trở về nhà thấy các đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền tại nhà bếp của gia đình, sau đó Lê Đức D gọi T1 bảo pha nước, T1 đi xuống bếp pha nước cho các đối tượng đánh bạc uống.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, ông Ma Trọng H5 bảo T1 đi mượn ống điều để hút thuốc Lào, khi T1 đi ra sân nhà có nhìn thấy ánh đèn lạ và phát hiện Công an nên đã hô to "*Công an đấy*", để các đối tượng đánh bạc bỏ chạy.

Tại nhà bếp của gia đình Lê Thị T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với La Tài M1, Lê Quang Đ1 và Lê Thị T1 cùng tang vật thu giữ gồm 01 bát sứ ăn cơm, 01 đĩa sứ bị vỡ thành hai mảnh,

04 quân bạc bằng tre kích thước (1 x 1) cm, một mặt bôi đen, một mặt để trắng tự nhiên, 03 chiếc còi đã cũ, 01 bút viết bằng phoóc nhãn hiệu Thiên Long, mực màu đen và tiền mặt là 12.110.000đ (*Mười hai triệu một trăm mười nghìn đồng*).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ 01 túi xách màu đen, nhãn hiệu HOÀNG HÀ DODA, 01 dao dài 31cm cả chuôi, lưỡi dao dài 24cm, phần rộng nhất của dao là 6,1cm, 01 mảnh tre đã khô, kích thước 21cm x 4,6cm, 01 thanh gỗ kích thước dài 20,2cm, rộng 03cm, dày 02cm, 02 chiếc rổ nhựa màu đỏ, nhãn hiệu VIỆT NHẬT CLASTIC, tiền mặt 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) của NGUYỄN NHƯ M.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận mang theo và sử dụng vào mục đích đánh bạc tổng số tiền là 37.300.000đ (*Ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó: Lê Đức D 200.000đ, Nguyễn Đức T 700.000đ, Lê Đức H 300.000đ, Nguyễn Văn P 500.000đ, Nguyễn Như M 800.000đ, Ngô Văn T2 5.000.000đ, Hà Văn X 5.000.000đ, Hoàng Văn H1 chỉ tham gia đánh bạc với hình thức xóc cái, không có tiền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T phạm 02 tội: “*Tổ chức đánh bạc*” và “*Đánh bạc*”. Bị cáo Lê Thị T1 phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Các bị cáo: Lê Đức D, Lê Đức H, Hoàng Văn H1, Hà Văn X, Ngô Văn T2, Nguyễn Như M phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 30; Điều 33; Điều 50 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (Một) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, 04 (Bốn) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án; Phạt tiền bị cáo 5.000.000 đồng về tội “*Tổ chức đánh bạc*”, 3.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*”. Tổng cộng là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị T1 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; đoạn 2 điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Văn T2 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Đức D 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Như M 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn X, xử phạt:

+ Bị cáo Lê Đức H 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

+ Bị cáo Hoàng Văn H1 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

+ Bị cáo Hà Văn X 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 248, Điều 30 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền các bị cáo Lê Đức D, Hoàng Văn H1, Lê Đức H, Ngô Văn T2, Nguyễn Như M, mỗi bị cáo 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử phạt 06 bị cáo khác từ 03 tháng tù cho hưởng án treo đến 07 tháng tù, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/5/2017, bị cáo Lê Thị T1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 31/5/2017, bị cáo Nguyễn Như M có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 01/6/2017, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 02/6/2017, bị cáo Ngô Văn T2 có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo Lê Đức D, Hoàng Văn H1 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 05/6/2017, bị cáo Hà Văn X có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố kết luận và đề nghị:

- Về tố tụng: Đảm bảo đúng pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, trong hạn luật định.

- Về nội dung: Căn cứ biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai nhận của các bị cáo, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội Tổ chức đánh bạc và phạm tội đánh bạc; bị cáo Lê Thị T1 phạm tội Tổ chức đánh bạc; các bị cáo Lê Đức D, Lê Đức H, Hoàng Văn H1, Hà Văn X, Ngô Văn T2, Nguyễn Như M phạm tội đánh bạc.

- Về áp dụng pháp luật và mức án: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2 rút đơn kháng cáo, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 238 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo: Nguyễn Như M sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 800.000đ, nhân thân đã một lần bị kết án 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đã được Tòa án nhân dân huyện C cho hưởng án treo và đã được xóa án tích nhưng nay lại phạm tội, chứng tỏ bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương, không ăn năn hối cải. Bị cáo Hoàng Văn H1 không có tiền sử dụng vào việc đánh bạc, nhưng bị cáo là người giữ vai trò xóc cái từ đầu đến cuối để các bị cáo khác đánh bạc; nhân thân, ngày 22/4/2015 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, mới chấp hành xong tiền phạt ngày 06/5/2015 chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong hạn 01 năm. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt bị cáo M 05 tháng tù, bị cáo H1 03 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo M, bị cáo H1.

Đối với bị cáo Lê Thị T1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người đồng phạm giúp sức trong việc thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc, bị cáo chỉ cho các bị cáo khác mượn địa điểm nhà ở của mình để đánh bạc, không được hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc, không được phân công canh gác; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố, mẹ và chồng đều đã chết, nuôi một con còn nhỏ sinh năm 2009; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo; nhân thân tốt phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Đức H, tham gia đánh bạc với số tiền 300.000đ. Tuy bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc cùng tính chất, nhưng bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2013, do vậy được coi là hết thời gian xử phạt vi phạm hành chính (chưa có tiền án, tiền sự); bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng và đã tự nguyện nộp khoản tiền phạt và án phí theo quy định. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt 03 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo theo điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Như M 05 (Năm) tháng tù. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn H1 03 (Ba) tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thị T1 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 02 (hai) năm.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 01 (một) năm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Bị cáo H1 có ý kiến tranh luận, bị cáo đã nộp khoản tiền phạt tại phiên tòa sơ thẩm, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo khác không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2 tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Các bị cáo Lê Thị T1, Lê Đức H, Hoàng Văn H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Nguyễn Như M bổ sung nội dung kháng cáo xin hưởng án treo và tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở quy kết: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/11/2016, Nguyễn Đức T, đã thực hiện hành vi tổ chức, bố trí, chuẩn bị địa điểm cho các đối tượng đánh bạc tại nhà bếp của gia đình Lê Thị T1. Bị cáo Lê Thị T1, đã thực hiện hành vi cho T và các bị cáo khác mượn địa điểm là nhà bếp của bị cáo để đánh bạc. Các bị cáo Lê Đức D, Lê Đức H, Hoàng Văn H1, Hà Văn X, Ngô Văn T2, Nguyễn Như M đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, với tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là: 37.300.000đ (*Ba mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng*).

Xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2 tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo theo khoản 2 Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét kháng cáo và tính chất mức độ phạm tội, nhân thân của hai bị cáo Huân, Mạnh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo Hoàng Văn H1: Không có tiền sử dụng vào việc đánh bạc, nhưng bị cáo là người giữ vai trò xóc cái từ đầu đến cuối để các bị cáo khác đánh bạc; nhân thân: Ngày 22/4/2015 bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, mức phạt 1.500.000 đồng, chấp hành xong tiền phạt ngày 06/5/2015. Tuy đến nay không coi là có tiền sự, nhưng thời gian không coi là đã bị xử phạt hành chính chưa đủ một năm kể từ ngày hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt bị cáo H1 03 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Như M sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 800.000đồng, nhân thân đã một lần bị kết án 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong bản án ngày 07/3/2012; tuy đến lần phạm tội này đã được xóa án tích, nhưng chứng tỏ bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của pháp luật để xử phạt bị cáo Nguyễn Như M 05 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm cả hai bị cáo H1 và bị cáo M không xuất trình được tài liệu, chứng cứ là tình tiết mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H1, bị cáo M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với bị cáo Lê Thị T1 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người đồng phạm giúp sức trong việc thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc cùng bị cáo T, bị cáo chỉ cho các bị cáo khác mượn địa điểm nhà ở của mình để đánh bạc; không được hưởng lợi từ việc tổ chức đánh bạc và đánh bạc, không được phân công canh gác cụ thể; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố, mẹ, chồng đều đã chết, một mình nuôi con nhỏ sinh năm 2009; gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt 01 năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Lê Đức H, tham gia đánh bạc với số tiền 300.000đ (thấp hơn so với các bị cáo khác trong vụ án). Tuy bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc cùng tính chất, nhưng bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính từ năm 2013, đã qua nhiều năm được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp khoản tiền phạt và án phí theo quy định; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do

vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ngoài xã hội, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt 03 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2, Lê Thị T1, Lê Đức H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Hoàng Văn H1, Nguyễn Như M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2. Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Đức D, Hà Văn X, Ngô Văn T2 (ngày 12/9/2017).

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn H1, Nguyễn Như M, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Như M 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam chấp hành án.

3. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị T1, Lê Đức H, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Lê Thị T1 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo T1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức H 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 01 (một) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Thị T, Lê Đức D, Lê Đức H, Hà Văn X, Ngô Văn T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Hoàng Văn H1, Nguyễn Như M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hùng